

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08-6-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Phương

Bà Nguyễn Minh Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Tuấn H; cư trú tại số 3/24/29/139 đường N, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị Thu T cư trú tại số 3/24/29/139 đường N, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 04 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Trần Tuấn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Thu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 09 tháng 5 năm 2008. Quá trình vợ chồng chung sống đến cuối năm 2013, đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi nhau khiến cho tình cảm vợ chồng

mất dần đi. Mặc dù mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng không có tiếng nói chung. Khoảng 04 năm nay anh chị đã ly thân mặc dù vẫn sống cùng nhà, nhưng không ai quan tâm đến ai, mọi trao đổi về con cái đều thông qua ông bà nội. Đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện tại chỉ gây ràng buộc lẫn nhau nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn chị T để ổn định cuộc sống.

- Về nuôi con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Trần Hồng P, sinh ngày 10/8/2009 và Trần Hồng V, sinh ngày 22/11/2012. Khi ly hôn, do tính chất công việc của anh thường xuyên đi sớm về khuya, không có nhiều thời gian để chăm sóc con bằng chị T, hiện tại các con cũng do chị T chăm sóc là chính, hàng tháng anh chỉ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T thông qua ông bà nội; mặt khác do hai con rất quấn tùm nhau nên anh cũng không muốn chia rẽ các con. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giao cả 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh sẽ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đồng/tháng/con.

- Về tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Thông báo và giấy triệu tập cho bị đơn là chị Bùi Thị Thu T. Nhưng chị T từ chối không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không đến Tòa án và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh H.

Theo kết quả xác minh tại Tổ dân phố nơi anh Trần Tuấn H và chị Bùi Thị Thu T sinh sống cũng như ý kiến của gia đình hai bên:

Quá trình chung sống tại địa phương, anh Trần Tuấn H và chị Bùi Thị Thu T có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng về quan điểm, lối sống sinh hoạt hàng ngày. Anh H và chị T đã sống ly thân nhiều năm nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Anh Trần Tuấn H và chị Bùi Thị Thu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 09 tháng 5 năm 2008 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do có sự bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày khiến cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống

ly thân khoảng 04 năm nay nên việc anh Trần Tuấn H yêu cầu xin ly hôn chị Bùi Thị Thu T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

Về nuôi dưỡng con: Anh H và chị T có 02 con chung là Trần Hồng P, sinh ngày 10/8/2009 và Trần Hồng V, sinh ngày 22/11/2012. Trên cơ sở ý kiến của gia đình hai bên cho thấy chị T có điều kiện chăm sóc các con tốt hơn anh H, bản thân cháu P cũng có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn nên chấp nhận yêu cầu của anh H về việc giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng khi anh chị ly hôn nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận việc anh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 2.500.000đồng/tháng/con.

Về chia tài sản: Anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Bùi Thị Thu T; hiện cư trú tại số 3/24/29/139 đường N, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị Bùi Thị Thu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Tuấn H và chị Bùi Thị Thu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 09 tháng 5 năm 2008 là hôn nhân hợp pháp. Qua lời trình bày của anh Trần Tuấn H tại phiên tòa và trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được cho thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị có nhiều mâu thuẫn do có sự bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày nên đã khiến cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương nhau. Bản thân chị T mặc dù đã biết việc anh H xin ly hôn mình tại Tòa án nhân dân quận Hải An nhưng không có ý kiến gì và cũng không đến Tòa án để tham gia các phiên hòa giải do Tòa án triệu tập, điều đó cho thấy chị T không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của anh Trần Tuấn H xin được ly hôn với chị Bùi Thị Thu T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là Trần Hồng P, sinh ngày 10/8/2009 và Trần Hồng V, sinh ngày 22/11/2012. Qua xác minh cho thấy hiện chị T là người trực tiếp chăm sóc các con là chính, gia đình hai bên đều mong muốn Tòa án giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng trong trường hợp anh chị ly hôn. Tuy nhiên, do chị T không có ý kiến về vấn đề này và để hai bên đều phải có trách nhiệm đối với con chung nên Hội đồng xét xử thấy cần giao cho mỗi người nuôi một con. Cháu Trần Hồng P trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn sẽ giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hồng V.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, anh H có khai, trong trường hợp Tòa án giao mỗi người nuôi một con chung, anh không yêu cầu chị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung mà anh được Tòa án giao và anh sẽ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung mà chị T được Tòa án giao với số tiền là 2.500.000đồng/tháng. Xét việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh H là phù hợp với quy định của pháp luật và thu nhập thực tế hàng tháng của anh H nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chia tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Trần Tuấn H được ly hôn chị Bùi Thị Thu T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Trần Hồng V, sinh ngày 22/11/2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao con chung là Trần Hồng P, sinh ngày 10/8/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Tuấn H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trần Hồng P cho chị T với số tiền là 2.500.000đồng/tháng (hai triệu năm trăm nghìn đồng trên một tháng) kể từ tháng 06/2018 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị T cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh H phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chia tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh Trần Tuấn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ, tổng cộng là 600.000 đồng. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu số 0016027 ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Anh H còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường H, L, HP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bình